

Số: 314 /VTVcab

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC riêng năm 2023 của VTVcab
thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm
trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.131.021.617.172	2.338.618.625.815	(207.597.008.643)	-9%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	177.883.933	324.750.743	(146.866.810)	-45%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	2.130.843.733.239	2.338.293.875.072	(207.450.141.833)	-9%
4. Giá vốn	1.714.511.593.180	1.794.139.448.460	(79.627.855.280)	-4%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	416.332.140.059	544.154.426.612	(127.822.286.553)	-23%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.273.077.716	4.342.617.470	10.930.460.246	252%
7. Chi phí tài chính	1.247.089.566	25.209.104.784	(23.962.015.218)	-95%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	16.325.615.100	13.436.086.502	2.889.528.598	22%
8. Chi phí bán hàng	219.925.767.420	202.569.096.828	17.356.670.592	9%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	187.609.958.143	235.321.879.918	(47.711.921.775)	-20%

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	22.822.402.646	85.396.962.552	(62.574.559.906)	-73%
11. Thu nhập khác	5.841.786.341	16.729.311	5.825.057.030	34819%
12. Chi phí khác	279.777.419	192.692.323	87.085.096	45%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.562.008.922	(175.963.012)	5.737.971.934	-3261%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	28.384.411.568	85.220.999.540	(56.836.587.972)	-67%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.971.238.001	15.658.240.000	(11.687.001.999)	-75%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	461.150.908	717.949.642	(256.798.734)	-36%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	23.952.022.659	68.844.809.898	(44.892.787.239)	-65%

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của VTVcab giảm 65% so với Báo cáo tài chính riêng năm 2022.

Trong năm 2023, tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VTVcab giảm 9% so với năm trước. Mặc dù, VTVcab đã áp dụng các biện pháp để chi phí giá vốn hàng bán giảm 4%, chi phí tài chính giảm 95%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 20% tuy nhiên vẫn không bù đắp được giá trị doanh thu sụt giảm, dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023 của VTVcab giảm 65% so với năm 2022.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT



CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Hải Thanh